



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thông tin về Công ty**

#### **Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13 tháng 5 năm 2024.

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc

#### **Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

#### **Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2024**



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-08-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00236-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2024**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Handwritten red text on the right margin.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.608.625.911.142</b>	<b>1.833.461.596.721</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>94.808.624.468</b>	<b>51.167.581.113</b>
Tiền	111		94.808.624.468	51.167.581.113
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>913.525.826.446</b>	<b>1.191.858.624.260</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.984.173.554)	(1.951.375.740)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	912.900.000.000	1.191.200.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>482.536.597.779</b>	<b>459.471.861.173</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	393.887.300.395	360.391.567.098
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		625.931.383	1.066.805.750
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	87.987.823.921	97.977.281.175
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.542.080	36.207.150
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>106.259.955.651</b>	<b>120.379.790.569</b>
Hàng tồn kho	141		106.259.955.651	120.379.790.569
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.494.906.798</b>	<b>10.583.739.606</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.875.165.203	1.761.299.075
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.341.115.550	8.289.278.224
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	278.626.045	533.162.307

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.113.142.468.163</b>	<b>539.999.705.503</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160.480.812.126</b>	<b>155.801.608.699</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	152.357.518.697	147.494.507.706
Nguyên giá	222		605.249.436.864	588.935.024.903
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(452.891.918.167)	(441.440.517.197)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.123.293.429	8.307.100.993
Nguyên giá	228		22.327.742.206	22.327.742.206
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.204.448.777)	(14.020.641.213)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>6.187.027.883</b>	<b>6.278.324.549</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.856.137.382)	(2.764.840.716)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>273.025.455</b>	<b>28.025.455</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	273.025.455	28.025.455
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>841.287.708.826</b>	<b>275.487.708.826</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(c)	198.487.708.826	198.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	642.800.000.000	77.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>104.913.893.873</b>	<b>102.404.037.974</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	104.913.893.873	102.404.037.974
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.721.768.379.305</b>	<b>2.373.461.302.224</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.900.367.937.968</b>	<b>1.520.579.566.364</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.890.364.132.481</b>	<b>1.508.776.650.038</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	561.852.840.916	307.371.615.698
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.614.368	128.085.748
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.574.078.921	4.994.432.415
Phải trả người lao động	314		16.189.455.495	15.714.160.167
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.181.213.678	1.532.281.912
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	79.312.533.638	14.363.262.968
Vay ngắn hạn	320	22	1.211.786.323.960	1.163.262.120.514
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	12.441.071.505	1.410.690.616
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.003.805.487</b>	<b>11.802.916.326</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	10.003.805.487	11.802.916.326
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>821.400.441.337</b>	<b>852.881.735.860</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>821.400.441.337</b>	<b>852.881.735.860</b>
Vốn cổ phần	411	25	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		150.360.203.236	150.360.203.236
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		67.663.558.101	99.144.852.624
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.130.911.685	11.173.543.622
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		63.532.646.416	87.971.309.002
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.721.768.379.305</b>	<b>2.373.461.302.224</b>

29-08-2024

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.635.403.469.723	1.411.067.302.729
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	7.974.255.030	5.692.446.160
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>1.627.429.214.693</b>	<b>1.405.374.856.569</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.570.502.445.378	1.366.886.544.881
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>56.926.769.315</b>	<b>38.488.311.688</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	94.894.035.122	97.353.785.513
Chi phí tài chính	22	31	27.186.984.789	41.474.139.354
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.923.129.469	38.622.313.976
Chi phí bán hàng	25	32	26.878.232.116	17.353.008.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	29.465.037.891	21.911.779.850
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>68.290.549.641</b>	<b>55.103.169.356</b>
Thu nhập khác	31		-	1.344.261.978
Chi phí khác	32		15.706.753	40
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(15.706.753)</b>	<b>1.344.261.938</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>68.274.842.888</b>	<b>56.447.431.294</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	4.742.196.472	3.415.186.767
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	-	(73.238.638)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>63.532.646.416</b>	<b>53.105.483.165</b>

29-08-2024

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>68.274.842.888</b>	<b>56.447.431.294</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	12.545.386.666	14.821.394.148
Các khoản dự phòng	03	32.797.814	(1.777.122.271)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.814.487	357.200.281
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(88.010.111.078)	(86.536.858.437)
Chi phí lãi vay	06	19.923.129.469	38.622.313.976
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.797.860.246</b>	<b>21.934.358.991</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(32.949.483.789)	24.225.015.079
Biến động hàng tồn kho	10	14.119.834.918	27.542.054.106
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	229.805.613.897	(194.688.991.512)
Biến động chi phí trả trước	12	(3.929.956.993)	7.293.441.333
		<b>219.843.868.279</b>	<b>(113.694.122.003)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.376.170.498)	(36.972.119.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.863.193.600)	(6.274.103.045)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.576.418.050)	(7.326.875.175)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>187.028.086.131</b>	<b>(164.267.220.073)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.248.619.208)	(18.518.269.617)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	588.539.212
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(642.800.000.000)	(1.157.500.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	355.300.000.000	1.116.900.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	97.837.182.746	139.946.135.363
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(191.911.436.462)</b>	<b>81.416.404.958</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.340.878.021.528	1.525.331.493.018
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.292.353.818.082)	(1.281.495.300.277)
Tiền trả cổ tức	36	-	(72.403.571.520)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>48.524.203.446</b>	<b>171.432.621.221</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>43.640.853.115</b>	<b>88.581.806.106</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>51.167.581.113</b>	<b>41.784.114.106</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>190.240</b>	<b>57.777</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>94.808.624.468</b>	<b>130.365.977.989</b>

**29-08-2024**

Người lập:

Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



# **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyên gia công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2024: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 300 nhân viên (1/1/2024: 286 nhân viên).





## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### (c) Các khoản đầu tư

##### (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### (iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

01  
ÔN  
NH  
P  
IÊN



## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 35 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 năm. Tổng Công ty không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

##### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Vỏ bình gas**

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí san lấp và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng. Chi phí san lấp được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 44 năm.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(l) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### **(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

##### **(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

DN  
TA  
M



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

## **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty**

Tổng Công ty không có sự thay đổi đáng kể nào về cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	326.804.422	273.240.176
Tiền gửi ngân hàng	94.481.820.046	50.894.340.937
	94.808.624.468	51.167.581.113

**9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2024 Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	625.826.446	(1.984.173.554)
			1/1/2024 Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	658.624.260	(1.951.375.740)

(\*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	912.900.000.000	912.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	642.800.000.000	(**)
	<hr/>	
	1.555.700.000.000	
	<hr/>	
	1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.191.200.000.000	1.191.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	77.000.000.000	(**)
	<hr/>	
	1.268.200.000.000	
	<hr/>	

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

P. / 4. /

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - C.T.C.P**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2024		1/1/2024			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(**)	70.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(**)	40.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(**)	30.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(**)	20.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	27.000.000.000	-	(**)	27.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(**)	11.487.708.826	-	(**)
			<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>		<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>	

(\*\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	120.007.703.937	122.009.808.448
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	52.427.341.716	39.374.649.148
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	63.229.276.765	52.886.061.949
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	38.546.757.369	37.891.496.322
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	42.628.832.261	38.558.647.776
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	35.730.810.252	38.654.434.752
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	41.316.578.095	31.016.468.703
	<hr/>	
	393.887.300.395	360.391.567.098
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, khoản phải thu thương mại từ các công ty con chịu lãi trả chậm theo thỏa thuận.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	45.246.960.821	29.301.852.876
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	7.392.251.827	10.679.332.305
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	6.221.975.290	11.779.968.948
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	11.151.599.849	13.436.753.083
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	1.396.683.036	1.755.132.345
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	13.732.005.158	28.015.508.092
Phải thu người lao động	470.153.793	1.174.248.308
Phải thu ngắn hạn khác	2.376.194.147	1.834.485.218
	<hr/>	
	87.987.823.921	97.977.281.175
	<hr/>	

Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con sẽ được thu sau khi quyết toán lợi nhuận của các công ty con trong năm tiếp theo.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	42.786.071.660
Nguyên vật liệu	10.775.817.423	14.160.272.202
Hàng hóa	95.484.138.228	63.433.446.707
	<hr/>	<hr/>
	106.259.955.651	120.379.790.569
	<hr/>	<hr/>

11.03.17  
NAM

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	212.038.548.063	320.058.535.447	45.298.077.121	11.539.864.272	588.935.024.903
Tăng trong kỳ	149.074.074	31.090.909	-	41.750.000	221.914.983
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	14.667.485.647	-	1.937.657.831	-	16.605.143.478
Xóa sổ	(512.646.500)	-	-	-	(512.646.500)
Số dư cuối kỳ	226.342.461.284	320.089.626.356	47.235.734.952	11.581.614.272	605.249.436.864
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	144.110.581.506	253.447.804.851	34.572.151.623	9.309.979.217	441.440.517.197
Khấu hao trong kỳ	3.768.763.241	6.181.697.470	1.555.316.534	458.270.225	11.964.047.470
Xóa sổ	(512.646.500)	-	-	-	(512.646.500)
Số dư cuối kỳ	147.366.698.247	259.629.502.321	36.127.468.157	9.768.249.442	452.891.918.167
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	67.927.966.557	66.610.730.596	10.725.925.498	2.229.885.055	147.494.507.706
Số dư cuối kỳ	78.975.763.037	60.460.124.035	11.108.266.795	1.813.364.830	152.357.518.697

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 271.266 triệu VND (1/1/2024: 254.354 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	10.576.243.470	11.751.498.736	22.327.742.206
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.845.039.942	11.175.601.271	14.020.641.213
Khấu hao trong kỳ	56.970.000	126.837.564	183.807.564
Số dư cuối kỳ	2.902.009.942	11.302.438.835	14.204.448.777
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	7.731.203.528	575.897.465	8.307.100.993
Số dư cuối kỳ	7.674.233.528	449.059.901	8.123.293.429

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 10.559 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 10.559 triệu VND).





**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	28.025.455	41.655.949.601
Tăng trong kỳ	2.313.592.831	3.398.777.397
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(2.068.592.831)	(45.026.701.543)
Số dư cuối kỳ	273.025.455	28.025.455

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Website bán hàng qua tổng đài và quản lý chăm sóc khách hàng	245.000.000	-
Các công trình khác	28.025.455	28.025.455
	273.025.455	28.025.455

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	75.474.882.473	14.646.435.733	12.282.719.768	102.404.037.974
Tăng trong kỳ	12.625.145.144	-	22.855.680	12.648.000.824
Phân bổ trong kỳ	(8.524.349.411)	(306.234.966)	(242.645.368)	(9.073.229.745)
Xuất bán cho công ty con	(1.064.915.180)	-	-	(1.064.915.180)
Số dư cuối kỳ	78.510.763.026	14.340.200.767	12.062.930.080	104.913.893.873

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG – công ty con	3.345.792.608	5.426.775.320
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	582.180.550	1.468.869.794
<b>Bên khác</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	361.903.294.464	126.882.007.306
Công ty TNHH EI Corporation	106.185.223.241	108.654.052.518
Itochu Petroleum Co., PTE. Ltd	38.417.375.219	42.886.335.624
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	1.763.233.001	2.157.259.173
Các nhà cung cấp khác	49.655.741.833	19.896.315.963
	<b>561.852.840.916</b>	<b>307.371.615.698</b>

Khoản phải trả công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	344.917.259	394.447.566.049	(394.649.471.446)	143.011.862
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.104.155.298	52.513.751.157	(51.278.083.907)	2.339.822.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	889.793.963	4.742.196.472	(2.863.193.600)	2.768.796.835
Thuế xuất nhập khẩu	2.535.329.245	10.299.827.725	(12.512.709.294)	322.447.676
Thuế thu nhập cá nhân	120.236.650	1.156.412.756	(1.555.275.451)	(278.626.045)
Thuế khác	(533.162.307)	1.285.814.335	(752.652.028)	-
	<b>4.461.270.108</b>	<b>464.445.568.494</b>	<b>(463.611.385.726)</b>	<b>5.295.452.876</b>
Trong đó:				
Phải thu	(533.162.307)			(278.626.045)
Phải trả	4.994.432.415			5.574.078.921



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.595.343.730	1.048.384.759
Trích trước chi phí hoạt động	585.869.948	483.897.153
	3.181.213.678	1.532.281.912

**21. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	1.416.651.015	1.113.516.010
Cổ tức phải trả Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	37.925.158.800	-
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	34.802.467.700	320.484.500
Hàng mượn Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	-	11.663.496.130
Tài sản thừa chờ xử lý	3.477.727.103	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.690.529.020	1.265.766.328
	79.312.533.638	14.363.262.968

Tổng Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các cổ đông khác trong tháng 7 năm 2024.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**22. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2024</b> <b>Giá trị ghi sổ và số</b> <b>có khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2024</b> <b>Giá trị ghi sổ và số</b> <b>có khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	1.163.262.120.514	1.340.878.021.528	(1.292.353.818.082)	1.211.786.323.960



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Ngân hàng Bank of China	VND	44.178.000.000	297.413.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	566.081.585.676	237.070.412.048
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	244.181.940.075	234.921.034.428
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	199.133.349.296
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	157.379.438.181	170.288.711.319
Ngân hàng BNP Paribas	VND	199.965.360.028	24.435.613.423
		<b>1.211.786.323.960</b>	<b>1.163.262.120.514</b>

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.410.690.616	2.047.165.791
Trích trong kỳ (Thuyết minh 24)	22.606.798.939	20.500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(7.807.820.000)	(7.326.875.175)
Điều chuyển quỹ xuống các công ty con	(3.768.598.050)	(12.717.600.000)
Số dư cuối kỳ	<b>12.441.071.505</b>	<b>2.502.690.616</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	140.350.898.933	59.784.633.425	803.512.212.358
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	53.105.483.165	53.105.483.165
Phân bổ vào các quỹ	-	-	10.009.304.303	(10.009.304.303)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(18.101.785.500)	(18.101.785.500)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	150.360.203.236	64.279.026.787	818.015.910.023
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	150.360.203.236	99.144.852.624	852.881.735.860
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	63.532.646.416	63.532.646.416
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(22.606.798.939)	(22.606.798.939)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(72.407.142.000)	(72.407.142.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	150.360.203.236	67.663.558.101	821.400.441.337



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**26. Cổ tức**

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 về việc chia cổ tức năm 2023, tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2023 bằng tiền là 72.407 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 90.509 triệu VND trong đó có 72.407 triệu VND đã tạm ứng trong năm 2022).

**27. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Đô la Mỹ (“USD”)	576,88	14.369.796	583,41	14.040.084
Euro (“EUR”)	108,48	2.883.058	114,62	3.022.529
		<u>17.252.854</u>		<u>17.062.613</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	1.628.885.652.541	1.403.993.140.578
▪ Cung cấp dịch vụ	4.600.136.662	5.017.250.751
▪ Cho thuê bất động sản	1.917.680.520	2.056.911.400
	<hr/>	<hr/>
	1.635.403.469.723	1.411.067.302.729
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(5.187.425.880)	(3.099.747.640)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.786.829.150)	(2.592.698.520)
	<hr/>	<hr/>
	(7.974.255.030)	(5.692.446.160)
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	1.627.429.214.693	1.405.374.856.569

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.563.590.508.645	1.360.956.734.551
▪ Cung cấp dịch vụ	6.061.242.342	3.854.707.952
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	850.694.391	839.252.279
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.235.850.099
	<hr/>	<hr/>
	1.570.502.445.378	1.366.886.544.881

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.584.574.098	43.007.598.151
Lợi nhuận được chia	45.425.536.980	43.503.306.525
Lãi bán hàng trả chậm	6.298.699.070	6.530.551.426
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	585.224.974	4.312.329.411
	<hr/>	<hr/>
	94.894.035.122	97.353.785.513

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.923.129.469	38.622.313.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.757.372.198	2.455.978.329
Lãi trả chậm	441.870.821	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	32.797.814	38.646.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.814.487	357.200.281
	<hr/>	<hr/>
	27.186.984.789	41.474.139.354

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.271.446.902	1.984.876.656
Chi phí khấu hao	74.279.258	105.162.132
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	8.524.349.411	8.791.008.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.844.749.576	3.085.125.744
Chi phí bán hàng khác	8.163.406.969	3.386.835.190
	<hr/>	<hr/>
	26.878.232.116	17.353.008.641

C. C. NAM



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	13.101.783.275	8.939.030.361
Chi phí khấu hao	1.331.441.062	1.026.508.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.540.997.588	6.171.722.982
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.490.815.966	5.774.518.201
	29.465.037.891	21.911.779.850

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.391.297.115	8.497.943.573
Chi phí nhân viên	44.745.070.286	29.553.832.737
Chi phí khấu hao	12.545.386.666	14.821.394.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.395.366.668	28.744.343.732
Chi phí khác	31.170.536.062	25.314.066.196

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.727.756.472	3.415.186.767
Dự phòng thiếu trong những năm trước	14.440.000	-
	4.742.196.472	3.415.186.767
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(73.238.638)
	4.742.196.472	3.341.948.129

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.274.842.888	56.447.431.294
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	13.654.968.578	11.289.486.259
Chi phí không được khấu trừ thuế	157.895.290	753.123.175
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(9.085.107.396)	(8.700.661.305)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	14.440.000	-
	4.742.196.472	3.341.948.129

(\*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b> <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Cổ tức đã trích	37.925.158.800	37.925.158.800
<b>Công ty con</b> <i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i> Bán hàng hóa Lợi nhuận được chia	191.525.266.464 6.221.975.290	163.569.180.058 9.995.986.801
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</b> Bán hàng hóa Lợi nhuận được chia Nhận bàn giao tài sản	364.216.925.275 13.732.005.158 14.536.550.647	285.623.217.934 15.996.235.531 -

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
<b><i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i></b>		
Bán hàng hóa	236.179.058.517	228.714.573.199
Lợi nhuận được chia	11.151.599.849	5.402.495.601
<b><i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i></b>		
Bán hàng hóa	108.356.193.155	101.055.375.093
Lợi nhuận được chia	1.396.683.036	1.615.712.941
<b><i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i></b>		
Bán hàng hóa	355.810.773.013	305.159.410.705
Lợi nhuận được chia	7.392.251.827	9.383.155.008
<b><i>Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G</i></b>		
Mua hàng hóa	24.839.486.120	5.398.361.136
Lợi nhuận được chia	5.531.021.820	1.109.720.643
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<b><i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i></b>		
Bán hàng hóa	23.072.146.780	25.095.051.010
<b><i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i></b>		
Bán hàng hóa	22.801.065.160	19.767.405.120
<b><i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i></b>		
Bán hàng hóa	13.534.544.710	13.877.691.960
<b><i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i></b>		
Bán hàng hóa	12.478.348.010	11.553.895.200
<b><i>Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I</i></b>		
Bán hàng hóa	8.739.180.800	9.639.793.700
<b><i>Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i></b>		
Bán hàng hóa	13.255.519.440	12.667.370.760
<b><i>Công ty Xăng dầu Tuyên Quang</i></b>		
Bán hàng hóa	11.465.413.080	11.170.725.480
<b><i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai</i></b>		
Bán hàng hóa	16.830.980.330	15.304.692.920



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
<b>Công ty Xăng dầu Điện Biên</b>		
Bán hàng hóa	12.047.136.430	9.564.988.130
<b>Công ty Xăng dầu Cao Bằng</b>		
Bán hàng hóa	7.932.537.360	7.207.881.240
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	29.350.712.698	33.240.636.890
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch (từ ngày 17/5/2023)	336.049.970	121.459.150
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch (đến ngày 17/5/2023)	66.012.857	55.416.000
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên	43.937.100	48.820.000
Ông Nguyễn Hữu Quang – Ủy viên (*)	250.338.979	415.267.831
Ông Nguyễn Khắc Trí – Ủy viên (*)	245.297.333	290.707.364
Ông Giang Trung Kiên – Ủy viên	43.937.100	48.820.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc (*)	250.338.979	415.267.831
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc (*)	245.297.333	290.707.364
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/7/2023)	-	290.707.364
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	241.787.031	290.707.364
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	245.593.824	290.707.364
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	43.937.100	27.592.000
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	225.131.596	145.967.728
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	186.098.053	251.090.994

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Giá trị giao dịch</b>	
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>

**Ban Kiểm soát****Lương và thù lao**

Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban

221.391.266

288.486.428

Bà Lê Thị Hải – Thành viên

174.240.599

203.175.475

Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên

30.723.608

34.120.000

(\*) Các ông Nguyễn Hữu Quang và ông Nguyễn Khắc Trí là thành viên kiêm nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và chỉ nhận lương cho vai trò thành viên Ban Tổng Giám đốc.

**37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>

Mua tài sản cố định thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ 14.536.550.647 -

**38. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Người lập:


Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

29-08-2024

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc